

Số: 983 /NMĐSH1-KTATMT

Hậu Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2025

V/v cung cấp báo giá “VTTC- phần Cơ nhiệt
(Bom hệ thống nhiên liệu)-2025”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai công tác mua sắm “VTTC- phần Cơ nhiệt (Bom hệ thống nhiên liệu)-2025”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho phương tiện nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Danh mục hàng hóa *như Phụ lục đính kèm*.
2. Tiến độ cung cấp: Nhà thầu chào tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện: tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h00 ngày 04 / 6 /2025.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Email: haipdm@pvpgb.vn; hanhbx@pvpgb.vn; handh@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: N.A.Tuấn;
- Phòng/PX: TM;
- Lưu VT, KTATMT (D.H.H).

TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chính

PHỤ LỤC: Mua sắm VTTT-Dự phòng phần cơ điện (Bơm hệ thống nhiên liệu)-2025
Đính kèm Công văn số 983/NMĐSH-KTATMT, ngày 19/05/2025



	STT	Tên vật tư/mô tả	Oder information (Part N0)	Thông số kỹ thuật		Nhà Sản xuất/Xuất t xứ	Mã vị trí/vị trí lắp	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	8	Ash Handling System								
	8.1	Bottom Ash Handling System								
	8.2	Fly Ash Handling System								
	8.2.7	Coarse ASH Slurry pumps		Model No.: LTS A 80 x 50H/ Horizontal centrifugal one stage, back pull out type Flow rate: 35 m3/h Total head: 32 m Total head: 32 m Pump speed: 1450 rpm Drive type: V - belt	HAI DUONG PUMP				set	
1	8.2.7.2	OIL SEAL			SKF	Asia	No.: 30	8	pc	
2	8.2.7.4	SHAFT SLEEVE		material: STAILNESS STEEL Standard: ASTM CA-40 HARD SURFACE	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 37	4	pc	
	8.2.8	Dosing pump		Model pump: GB403 Max. Capacity 320 LPH Max. Pressure: 5 KG/SQ.CM Liquid end assembly - "GB-40" Matl: Plastic		M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.,/ OECD			set	
3	8.2.8.1	BALL GUIDE ASSY- GB 40 PP/PVC	Part No.: 981867S	Material: PP/PVC	M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Key No.: 2S/2D	6	set	
4	8.2.8.2	Union Nut GB40 PVC	Part No.: 989867	Material: PVC	M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Key No.: 2A	2	pc	
5	8.2.8.3	DIAPHRAGM ASSY GB 40 PP/ PVC	Part No.: 60618PGB	Material: PP/PVC	M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Key No.: 4	2	set	

(Handwritten signature)

6	8.2.8.4	Y STRAINER ASSEMBLY	Part No.: 907868		M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Item No.: 104	2	set	
7	8.2.8.5	ANTISYPHON ASSEMBLY 1/2"	Part No.: 988867S		M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Item No.: 105	2	set	
8	8.2.8.6	PRESSURE RELIEF VALVE ASSY GB 40 - PVC	Part No.: 904667S	Material: PVC	M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Item No.: 106	2	set	
9	8.2.8.7	FOOT VALVE ASSY 1/2"	Part No.: 988667S		M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	Item No.: 105	2	set	
10	8.2.8.8	Oil seal GB		Material: Nitrile rubber	M/S. Accudyne Industries India Pvt.Ltd.	OECD	No.: 10	4	pc	
	8.2.9	HP water pumps - Bơm nước cao áp		200 LCH 500x2 / Horizontal Split Casing Capacity: 450 m3/hr; head 100 mwc; Speed 1450rpm;					set	
11	8.2.9.2	Wear ring No.1		Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 27	2	pc	
12	8.2.9.3	Wear ring No.2		Material: Cast iron Standard: ASTM A48-CL30	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 29	1	pc	
13	8.2.9.4	Sleeve		Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 33	2	pc	
14	8.2.9.5	Shaft sleeve		Material: Cacbon steel Standard: ASTM A276 Gr.410	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 35	2	pc	
	8.2.10	ASH Slurry pumps		Model: LTSB 250x200H Horizontal centrifugal, back pull out type Flow rate 450 m3/h, Total head 49m, Speed 850 rpm, Efficiency 69%, NPSHR: 2,5	HAI DUONG PUMP MANUFACTURING				set	
15	8.2.10.1	SHAFT SLEEVE		Material: Stailness steel	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 14	1	pc	
16	8.2.10.4	O - Ring Ø10 x Ø484		Ø10 x Ø484 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 33	1	pc	

17	8.2.10.5	Gasket Ø703 x Ø753		Ø703 x Ø753 mm Material: rubber	HAI DUONG PUMP	Việt Nam	No.: 36	1	pc	
	14	Fuel Oil Supply System								
	14.1	DO FORWARDING PUMP		Type: L4MG-164/062-AHOKRA-G Capacity: 54 m3/h; Speed: 1485 rpm Discharge pressure: 24.08 barG					set	
18	14.1.1	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 015	4	pc	
19	14.1.2	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 031	2	pc	
20	14.1.4	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 099	2	pc	
21	14.1.5	shaft sealing ring			Leistritz	OECD	Pos. 116	2	pc	
22	14.1.6	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 128	2	pc	
23	14.1.7	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 133	2	pc	
24	14.1.10	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 715	4	pc	
25	14.1.11	O-ring			Leistritz	OECD	Pos. 717	4	pc	

-Hàng hóa mới 100%, bảo hành tối thiểu 12 tháng, sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.

-Cung cấp tài liệu của nhà sản xuất, cung cấp CO,CQ/các tài liệu liên quan